

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **88**/2019/DS-ST

Ngày: 24/06/2019.

V/v tranh chấp: hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé
2. Bà Lê Thị Kiều Chinh

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 24 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2018/TLST-DS ngày 14/12/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST-DS ngày 20/05/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGUYỄN THỊ THANH M – sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. Bị đơn: LÊ KIM T – sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

TRẦN THỊ KIM O - sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

(Bà M có mặt, chị T vắng mặt, bà O xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày: vào ngày 25/9/2016 AL chị Lê Kim T có tham gia chơi hội do bà làm đầu thảo và còn nợ bà số tiền 55.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Dây hội ngày 25/9/2016 (AL) mẫn vào ngày 25/12/ 2017 (AL), loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 16 phần, chị T tham gia 01 phần, hốt vào kỳ 2 với số tiền 13.530.000 đồng, bà giao hội cho chị T ngày 10/4, chị T có ghi vào sổ của bà là "ngày 10-4 con có nhận số tiền 13.530.000 đồng và ký tên "T". Dây hội này chị T đóng được 01 kỳ hội sống và 11 kỳ hội chết, nên chị T còn nợ bà 3 kỳ hội chết là 6.000.000 đồng.

Dây hội ngày 25/12/2016 (AL) mẫn vào ngày 25/7/2018 (AL), loại hội 1.000.000 đồng/ tháng, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần. Sau khi tham gia chị T hốt hội đầu với số tiền là 12.840.000 đồng, bà có giao tiền đủ cho chị T, chị T có ghi vào sổ của bà là "ngày 5-5-2017 al con có nhận số tiền là 12.840.000 đồng" và ký tên "T". Dây hội này chị T đóng được 07 kỳ hội chết, còn nợ lại 12 kỳ hội chết với số tiền là 12.000.000 đồng.

Dây hội ngày 30/01/2017 (AL), mẫn vào ngày 30/10/2018 (AL), loại hội 2.000.000 đồng/ tháng, có 22 phần, chị T tham gia 01 phần. Sau khi tham gia chị T hốt hội vào kỳ thứ 2 với số tiền là 29.800.000 đồng. Khi giao tiền cho chị T thì chị T ký tên "T", còn mẹ chị T là bà Trần Thị Kim O đã ghi dùm chị T nội dung "ngày 30.10 có nhận tiền của 7 là 29 triệu 8 trăm ngàn" và bà O ký tên "O" trong giấy. Lúc giao tiền cho chị T có mẹ chị T là bà O vì chị T hốt hội để cho bà O mượn lại. Dây hội này chị T đóng được 01 kỳ hội sống và đóng được 5 kỳ hội chết, còn nợ lại 15 kỳ hội chết với số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T còn mượn bà 7.000.000 đồng để đóng hội vào những kỳ hội khác mà chị T không đủ tiền đóng hội cho bà. Tổng cộng chị T còn nợ lại bà số tiền 55.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị T trả lại bà số tiền 55.000.000 đồng và T tiền lãi từ tháng 10/2018 (AL) đến ngày tòa xét xử với mức lãi suất 0,83%, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Kim T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O trình bày: bà là mẹ ruột của Lê Kim T, vào ngày 30/10 bà có nhận số tiền hội dì 7 là 28 triệu tám trăm ngàn, bà là người nhận tiền, viết chữ trong biên nhận là ký tên O. Con bà ký tên T kế bên để đóng hội. Trong giấy hội này T con bà hốt hội mà bà M không giao, bà là mẹ T có thiếu tiền hội bà M, bà M trừ qua rồi T có chịu nhận là đóng phụ mẹ, nhưng đóng 1 thời gian không đóng nữa, bà là mẹ T có mượn số tiền trả lại cho bà 7. Dì 7 trong giấy là bà Nguyễn Thanh M. Hiện T tham gia hội bao nhiêu bà không biết, bà chỉ biết T tham gia nhưng thiếu tiền bao nhiêu bà không biết được.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu chị Lê Kim T trả lại số tiền hui là 48.000.000 đồng và yêu cầu T lãi số tiền này từ tháng 11/2018 đến ngày tòa xét xử là ngày 24/6/2019 theo mức lãi suất nhà nước quy định với số tiền là 3.107.520 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 7.000.000 đồng bà M xin rút yêu cầu đối với số tiền này.

Bị đơn chị Lê Kim T vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn chị Lê Kim T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà O.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M là có cơ sở: vì chị Lê Kim T có tham gia 3 dây hui do bà Nguyễn Thị Thanh M làm chủ vào ngày 25/9/2016 (AL), ngày 25/12/2016 (AL) và ngày 30/01/2017 (AL). Sau khi tham gia chị T đều đã hốt hui nhưng đóng hui chết không đầy đủ cụ thể hui ngày 25/9/2016 (AL) còn 3 kỳ hui chết là 6.000.000 đồng, hui ngày 25/12/2016 (AL) còn 12 kỳ hui chết với số tiền là 12.000.000 đồng, hui ngày 30/01/2017 (AL) còn 15 kỳ hui chết với số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M cung cấp 3 tờ biên nhận nhận tiền hui có chữ ký của chị T. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà M và chị T đã xác lập hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, hiện các dây hui này đã mãn nhưng chị T vẫn chưa đóng xong tiền hui cho bà M, nên phía chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc chị T trả tiền cho bà M số tiền 48.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng tại phiên tòa bà M rút yêu cầu đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Về tiền lãi: bà M yêu cầu T tiền lãi của số tiền 48.000.000 đồng từ tháng 11/2018 đến ngày tòa xét xử là ngày 24/6/2019 là 7 tháng 24 ngày. Xét các dây hui này đã mãn nhưng phía chị T kéo dài không trả cho bà M, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu T lãi của bà M là phù hợp với Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu phường. Nên số tiền 48.000.000 đồng x 0,83% x 7 tháng 24 ngày = 3.107.520 đồng. Như vậy chị T còn phải trả thêm cho bà M số tiền lãi là 3.107.520 đồng.

[3] Về thời gian trả: bà M yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này chị T để kéo dài không trả cho bà M đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, nên cần buộc chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với bà Trần Thị Kim O là người mượn tiền của chị T khi chị T hốt hụi và bà có ký tên vào biên nhận giao tiền hụi mà bà M giao cho chị T, nhưng bà M không có yêu cầu gì với bà O nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa bà O với chị T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 471 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng các Điều 16, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu phường
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M

Buộc chị Lê Kim T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền hụi là 48.000.000 đồng và tiền lãi là 3.107.520 đồng, **tổng cộng là 51.107.520 đồng** (năm mươi một triệu một trăm lẻ bảy năm trăm hai mươi đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M về việc yêu cầu chị Lê Kim T trả số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Chị Lê Kim T phải chịu **2.555.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M **1.569.012** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai số 39895 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh